

THỰC TRẠNG HÀNH VI HỢP TÁC CỦA CHA MẸ VỚI GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP TRONG GIÁO DỤC HỌC SINH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Tuyết Lan

Trường Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt: Nghiên cứu trên 200 cha/mẹ của học sinh THPT tư thực trên địa bàn Thành phố Hà Nội cho thấy hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN ở các trường THPT tư thực đã hình thành ở mức độ nhất định, song chưa thật sự ổn định và chưa phát triển đồng đều. Điểm đáng chú ý là cha mẹ nhìn chung đã nhận thức được vai trò của sự phối hợp và có thái độ tương đối tích cực đối với GVCN, nhưng sự chuyển hóa thành hành động hợp tác thường xuyên, chủ động và có chiều sâu vẫn còn hạn chế.

Từ khóa: Hành vi hợp tác, hành vi hợp tác của cha mẹ, hành vi hợp tác của cha mẹ với giáo viên chủ nhiệm lớp.

CURRENT STATUS OF PARENTS' COOPERATIVE BEHAVIOR WITH HOMEROOM TEACHERS IN EDUCATING STUDENTS AT PRIVATE HIGH SCHOOLS IN HANOI

Abstract: A study conducted with 200 parents of students at private high schools in Hanoi shows that parents' cooperative behavior with homeroom teachers has been formed to a certain extent, but it remains unstable and unevenly developed. Notably, parents generally recognize the role of coordination and hold a relatively positive attitude toward homeroom teachers; however, the transformation of this awareness and attitude into regular, proactive, and in-depth cooperative actions remains limited.

Keywords: cooperative behavior; parents' cooperative behavior; parents' cooperative behavior with homeroom teachers.

Nhận bài: 19/04/2026

Phản biện: 19/05/2026

Duyệt đăng: 24/05/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong mối quan hệ phối hợp giữa gia đình và nhà trường, GVCN giữ vị trí đặc biệt quan trọng. GVCN là người trực tiếp quản lý lớp học, theo dõi quá trình học tập, rèn luyện, nắm bắt diễn biến tâm lý, hành vi của học sinh và kết nối thường xuyên với cha mẹ học sinh. Vì vậy, chất lượng phối hợp giữa cha mẹ và GVCN phụ thuộc rất lớn vào hành vi hợp tác của cha mẹ. Hành vi hợp tác tích cực thể hiện ở sự chủ động trao đổi thông tin, tham gia các hoạt động giáo dục, phối hợp quản lý hành vi, hỗ trợ tổ chức lớp học và đồng hành cùng nhà trường trong định hướng học tập, nghề nghiệp cho con. Trái lại, sự thờ ơ, né tránh, khoán trắng hoặc thiếu hợp tác từ phía cha mẹ sẽ làm giảm hiệu quả giáo dục, gây khó khăn cho GVCN trong quá trình tác động sư phạm.

Ở cấp THPT, yêu cầu phối hợp giữa cha mẹ và GVCN càng trở nên cần thiết. Học sinh THPT đang ở giai đoạn phát triển mạnh về tâm sinh lý, có nhu cầu khẳng định bản thân, dễ chịu tác động từ bạn bè, mạng xã hội và các xu hướng giá trị khác nhau. Đây cũng là thời điểm các em đối diện với áp lực học tập, lựa chọn tổ hợp môn, định hướng ngành nghề và chuẩn bị cho những quyết định quan trọng sau phổ thông. Những biến đổi đó đòi hỏi cha mẹ và GVCN phải có sự trao đổi thường xuyên, thống nhất trong định hướng giáo

dục, kịp thời phát hiện biểu hiện lệch chuẩn, khó khăn tâm lý, sa sút học tập hoặc những thay đổi bất thường trong hành vi của học sinh. Khi cha mẹ hợp tác tích cực, GVCN có thêm cơ sở để hiểu rõ hoàn cảnh gia đình, đặc điểm cá nhân, nhu cầu, sở thích, năng lực và khó khăn của từng học sinh, từ đó lựa chọn biện pháp giáo dục phù hợp hơn.

Bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với sự tham gia của gia đình vào quá trình giáo dục học sinh. Chương trình giáo dục phổ thông mới nhấn mạnh phát triển phẩm chất, năng lực, coi trọng trải nghiệm, hướng nghiệp, tự học và trách nhiệm cá nhân của người học. Do vậy, gia đình cần trở thành lực lượng đồng hành thực chất, có trách nhiệm và có phương thức phối hợp phù hợp với nhà trường. Đặc biệt, ở các trường THPT tư thực, mối quan hệ giữa cha mẹ và nhà trường có những đặc điểm riêng như: cha mẹ thường có kỳ vọng cao đối với chất lượng giáo dục, quan tâm nhiều đến kết quả học tập, môi trường rèn luyện và cơ hội phát triển cá nhân của con. Tuy nhiên, chính kỳ vọng đó cũng có thể dẫn đến những nhiều biểu hiện hợp tác khác nhau, từ tích cực, chủ động đến áp đặt, đối phó hoặc thiếu thống nhất với định hướng giáo dục của GVCN. Về phương diện lý luận, hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN là một nội dung có ý nghĩa trong

tâm lý học giáo dục và giáo dục học nhà trường. Tuy vậy, hướng nghiên cứu chuyên sâu về hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN trong giáo dục học sinh ở trường THPT tư thục vẫn chưa được quan tâm tương xứng. Nhiều vấn đề như biểu hiện của hành vi hợp tác, mức độ hợp tác, các yếu tố ảnh hưởng và biện pháp tác động phù hợp với đặc thù trường THPT tư thục còn cần được tiếp tục làm rõ.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể nghiên cứu

Đề tài được tiến hành nghiên cứu trên 200 cha/mẹ và phỏng vấn 20 học sinh của 02 trường THPT tư thục trên địa bàn thành phố Hà Nội. Số liệu nghiên cứu của đề tài từ tháng 10/2025 đến tháng 5/2026

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được phối hợp các phương pháp sau: Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, Phương pháp phỏng vấn, Phương pháp quan sát, Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

2.3. Thực trạng hành vi hợp tác của cha/mẹ với giáo viên chủ nhiệm lớp trong giáo dục học sinh ở trường trung học phổ thông tư thục

2.3.1. Đánh giá chung về thực trạng hành vi hợp tác của cha mẹ với giáo viên chủ nhiệm lớp trong giáo dục học sinh ở trường trung học phổ thông tư thục

Hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN trong giáo dục học sinh THPT đạt mức trung bình khá. ĐTB chung do cha/mẹ tự đánh giá là 3,18, cao hơn so với đánh giá của GVCN là 3,05. Điều này cho thấy cha mẹ học sinh đã có sự hợp tác nhất định với GVCN, tuy nhiên mức độ hợp tác chưa thật sự cao và chưa đồng đều. Sự chênh lệch giữa hai nhóm khách thể phản ánh cách nhìn khác nhau: Cha/mẹ thường đánh giá dựa trên ý thức quan tâm, trách nhiệm của mình đối với con; còn GVCN đánh giá trên cơ sở những biểu hiện hợp tác cụ thể trong quá trình giáo dục học sinh.

Trong ba mặt biểu hiện về nhận thức xếp thứ nhất ở cả hai nhóm khách thể, với ĐTB 3,31 ở cha/mẹ và 3,15 ở GVCN. Kết quả này cho thấy cha mẹ học sinh về cơ bản đã nhận thức được sự cần thiết của hợp tác với GVCN, hiểu được vai trò của GVCN và ý nghĩa của sự phối hợp giữa gia đình với nhà trường trong giáo dục học sinh THPT.

Xếp thứ hai là về thái độ, với ĐTB 3,18 ở cha/mẹ và 3,06 ở GVCN. Điều này cho thấy cha mẹ học sinh đã có thái độ tương đối tích cực trong quan hệ phối hợp với GVCN, thể hiện ở sự tôn trọng, tin tưởng, đồng thuận và sẵn sàng tiếp nhận các yêu cầu giáo dục.

Xếp thứ ba là về hành động, với ĐTB 3,06 ở cha/mẹ và 2,94 ở GVCN. Đây là mặt biểu hiện có điểm thấp nhất, cho thấy hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN còn hạn chế rõ hơn ở phương diện hành động cụ thể. Cha mẹ đã có nhận thức và thái độ tương đối tích cực, nhưng sự chủ động trao đổi, tham gia hoạt động, phối hợp thường xuyên và cùng GVCN theo dõi, hỗ trợ học sinh vẫn chưa thật sự tốt.

2.3.2. Thực trạng biểu hiện hành vi hợp tác của cha mẹ với giáo viên chủ nhiệm lớp trong giáo dục học sinh ở trường trung học phổ thông tư thục

2.3.2.1. Thực trạng mức độ biểu hiện về nhận thức trong hành vi hợp tác của cha mẹ với giáo viên chủ nhiệm

Mức độ biểu hiện thống nhất về nhận thức trong hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN đạt ở mức tương đối khá theo đánh giá của cả hai nhóm khách thể. ĐTB chung của cha/mẹ là 3,31, cao hơn ĐTB chung do GVCN đánh giá là 3,15. Sự chênh lệch này không lớn, song vẫn phản ánh một đặc điểm đáng chú ý: Cha/mẹ có xu hướng tự đánh giá nhận thức của mình tích cực hơn so với cách nhìn nhận của GVCN. Điều này phù hợp với thực tế tâm lý, bởi khi tự đánh giá, cha mẹ thường căn cứ vào ý thức chủ quan của mình về sự quan tâm đối với con và sự thừa nhận vai trò của nhà trường. Trong khi đó, GVCN đánh giá trên cơ sở quan sát quá trình phối hợp cụ thể của nhiều gia đình trong lớp, nên cách nhìn thường thận trọng và sát với biểu hiện thực tế hơn.

Xét từng biểu hiện cụ thể, ở nhóm cha/mẹ, biểu hiện “*Nhận biết được sự cần thiết của hợp tác giữa gia đình và GVCN trong giáo dục học sinh THPT*” có ĐTB cao nhất, đạt 3,48, xếp thứ 1. Ở nhóm GVCN, biểu hiện được đánh giá cao nhất lại là “*Xác định được vai trò của GVCN trong kết nối gia đình, học sinh và nhà trường*”, với ĐTB 3,31, xếp thứ 1. Sự khác nhau về thứ hạng giữa hai nhóm ở hai biểu hiện đầu tiên là đáng chú ý. Cha/mẹ xếp cao nhất nhận thức về sự cần thiết của hợp tác, trong khi GVCN xếp cao nhất nhận thức về vai trò kết nối của GVCN. Điều đó phản ánh hai góc nhìn khác nhau nhưng không mâu thuẫn. Cha mẹ thường nhìn nhận từ nhu cầu giáo dục con, nên dễ nhận mạnh “*cần phải hợp tác*”. GVCN lại nhìn nhận từ thực tiễn công tác chủ nhiệm, nên quan tâm hơn đến việc cha/mẹ có hiểu đúng vai trò đầu mối của giáo viên trong mối quan hệ gia đình, học sinh và nhà trường hay không. Kết quả này cho thấy sự thống nhất nhận thức chung về sự hợp tác đã được hình thành, nhưng mức độ nhận

thức đầy đủ, chặt chẽ vẫn còn khác nhau giữa hai nhóm khách thể.

Biểu hiện “*Nhận thức được vai trò của thông tin hai chiều trong phối hợp giáo dục học sinh*” đứng ở nhóm trên, với ĐTB 3,37 ở cha/mẹ và 3,22 ở GVCN, cùng xếp thứ 3. Biểu hiện “*Nhận diện được những tình huống giáo dục cần có sự phối hợp giữa gia đình và GVCN*” có ĐTB 3,35 ở cha/mẹ và 3,18 ở GVCN, cùng xếp thứ 4. Mức điểm này cho thấy cha/mẹ đã có khả năng nhận diện nhất định về những tình huống cần phối hợp với GVCN. Biểu hiện “*Hiểu được trách nhiệm phối hợp của gia đình trong giáo dục học sinh THPT*” có ĐTB 3,26 ở cha/mẹ và 3,10 ở GVCN, cùng xếp thứ 5. Kết quả này cho thấy sự thống nhất nhận thức về trách nhiệm phối hợp của gia đình tuy đã được hình thành nhưng chưa thật vững chắc. Nhiều cha mẹ thừa nhận giáo dục học sinh cần sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường, song khi chuyển từ nhận thức chung sang trách nhiệm cụ thể của gia đình, mức độ đánh giá giảm xuống. Hai biểu hiện có điểm thấp nhất là “*Nhận thức được vai trò của hợp tác giữa gia đình và GVCN trong hỗ trợ học sinh điều chỉnh học tập, rèn luyện và hành vi*” và “*Nhận thức được yêu cầu duy trì phối hợp với GVCN trong suốt quá trình học tập, rèn luyện của học sinh*”. Trong đó, biểu hiện thứ nhất đạt ĐTB 3,19 ở cha/mẹ và 3,02 ở GVCN, xếp thứ 6; biểu hiện thứ hai đạt ĐTB 3,08 ở cha/mẹ và 2,96 ở GVCN, xếp thứ 7. Đây là kết quả phản ánh rõ hạn chế trong sự nhận thức hợp tác của cha/mẹ.

Nhìn tổng thể, kết quả khảo sát cho thấy mức độ về nhận thức trong hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN đã có nền tảng tương đối tích cực. Cha/mẹ nhìn chung nhận biết được sự cần thiết của hợp tác, xác định được vai trò kết nối của GVCN và thấy được ý nghĩa của thông tin hai chiều. Tuy nhiên, nhận thức này còn thiên về phương diện chung, dễ thấy và dễ thừa nhận. Những nội dung đòi hỏi hiểu sâu hơn như trách nhiệm phối hợp của gia đình, vai trò của hợp tác trong điều chỉnh học tập, rèn luyện, hành vi và yêu cầu duy trì phối hợp thường xuyên vẫn còn hạn chế. Đây là cơ sở để khẳng định rằng muốn cải thiện hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN, cần tác động trước hết vào nhận thức của cha/mẹ theo hướng cụ thể hóa trách nhiệm, làm rõ vai trò của phối hợp thường xuyên và giúp cha mẹ nhận diện tốt hơn những tình huống giáo dục cần có sự đồng hành với GVCN.

Để làm rõ hơn vấn đề này, chúng tôi tiến hành trao đổi với ông Đ. H. H cha của một học sinh lớp

11. Ông này cho biết: “*Gia đình tôi vẫn thấy cần phải phối hợp với cô chủ nhiệm, nhất là khi con học cấp ba, áp lực học tập và thi cử nhiều hơn. Những thông tin cô gửi tôi đều quan tâm và khi có vấn đề thì gia đình cũng trao đổi. Nhưng nói thật, có lúc chúng tôi nghĩ con vẫn học bình thường thì chưa cần liên hệ nhiều. Một số biểu hiện tâm lý của con ở tuổi này cũng khó nhận ra ngay, nên để chủ động trao đổi thường xuyên với giáo viên thì gia đình chưa làm được đều*”. Ý kiến này phù hợp với kết quả khảo sát: cha/mẹ đã nhận thức được sự cần thiết của hợp tác với GVCN, song nhận thức về tính thường xuyên, liên tục và vai trò của sự phối hợp trong hỗ trợ điều chỉnh học tập, rèn luyện, hành vi của học sinh vẫn còn là điểm cần tiếp tục nâng cao.

2.3.2.2. *Thực trạng mức độ biểu hiện về thái độ trong hành vi hợp tác của cha mẹ với giáo viên chủ nhiệm*

Mức độ biểu hiện về thái độ trong hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN đạt mức trung bình khá ở cả hai nhóm khách thể. ĐTB chung do cha/mẹ tự đánh giá là 3,18, trong khi GVCN đánh giá là 3,06. Chênh lệch giữa hai nhóm không quá lớn, song vẫn cho thấy cha/mẹ có xu hướng nhìn nhận thái độ hợp tác của mình tích cực hơn so với đánh giá từ phía GVCN. Ở từng nội dung cụ thể, biểu hiện “*Tôn trọng vai trò giáo dục của GVCN trong quá trình phối hợp*” đạt ĐTB cao nhất ở cả hai nhóm khách thể, với 3,36 ở cha/mẹ và 3,17 ở GVCN, đều xếp thứ 1. Biểu hiện “*Tin tưởng thiện chí và trách nhiệm của GVCN khi trao đổi vấn đề của học sinh*” được cha/mẹ đánh giá khá cao, đạt ĐTB 3,25, xếp thứ 2. Tuy vậy, ở nhóm GVCN, biểu hiện này chỉ đạt ĐTB 3,08, xếp thứ 4. Sự khác biệt thứ hạng này cho thấy từ góc nhìn của giáo viên, niềm tin của cha/mẹ chưa phải lúc nào cũng ổn định. Biểu hiện “*Đồng thuận với các yêu cầu giáo dục hợp lý do GVCN trao đổi*” có ĐTB 3,22 ở cha/mẹ, xếp thứ 3; trong đánh giá của GVCN đạt 3,13, xếp thứ 2. Kết quả này cho thấy sự đồng thuận với yêu cầu giáo dục của GVCN ở mức tương đối khá. Biểu hiện “*Luôn có tinh thần cầu thị trước những nhận xét, góp ý liên quan đến học tập và rèn luyện của học sinh*” đạt ĐTB 3,17 ở cha/mẹ, xếp thứ 4; trong đánh giá của GVCN đạt 3,10, xếp thứ 3. Biểu hiện “*Bình tĩnh khi tiếp nhận thông tin về hạn chế hoặc hành vi chưa phù hợp của học sinh*” có ĐTB 3,14 ở cha/mẹ và 3,01 ở GVCN, đều xếp thứ 5. Hai biểu hiện có mức thấp nhất là “*Sẵn sàng chia sẻ trách nhiệm giáo dục học sinh cùng GVCN*” và “*Luôn*

ủng hộ GVCN trong định hướng xây dựng nề nếp, kỷ luật và môi trường lớp học tích cực”. Trong đó, biểu hiện chia sẻ trách nhiệm đạt ĐTB 3,08 ở cha/mẹ và 2,98 ở GVCN, xếp thứ 6; biểu hiện ủng hộ định hướng xây dựng nề nếp, kỷ luật, môi trường lớp học tích cực đạt ĐTB 3,04 ở cha/mẹ và 2,95 ở GVCN, xếp thứ 7. Kết quả này phản ánh một hạn chế có tính thực tế trong thái độ hợp tác của cha/mẹ.

Nhìn tổng thể, biểu hiện thống nhất về thái độ trong hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN có nền tảng tương đối thuận lợi. Cha/mẹ cơ bản tôn trọng vai trò giáo dục của GVCN, có mức độ tin tưởng nhất định và đồng thuận với các yêu cầu giáo dục hợp lý. Tuy nhiên, thái độ hợp tác chưa thật đồng đều ở các biểu hiện đòi hỏi sự chấp nhận sâu hơn, nhất là khi GVCN phản ánh hạn chế của học sinh hoặc khi cha mẹ phải chia sẻ trách nhiệm giáo dục lâu dài. Kết quả này cho thấy muốn nâng cao hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN, cần chú ý bồi dưỡng thái độ tin cậy, cầu thị, bình tĩnh và đồng trách nhiệm, thay vì chỉ dừng ở sự tôn trọng mang tính hình thức đối với vai trò giáo viên.

Khi được hỏi về vấn đề này, bà N. T. M, GVCN lớp 10, chia sẻ: *“Phần lớn phụ huynh vẫn tôn trọng giáo viên và khi giáo viên trao đổi thì cũng lắng nghe. Tuy nhiên, với những vấn đề liên quan đến hạn chế của học sinh, nhất là khi con vi phạm nề nếp hoặc học tập giảm sút, phản ứng của phụ huynh không phải lúc nào cũng giống nhau. Có phụ huynh rất cầu thị, cùng giáo viên tìm cách hỗ trợ con; nhưng cũng có phụ huynh ban đầu còn bênh con, hoặc chỉ quan tâm nhiều khi sự việc mới xảy ra. Sau đó, sự phối hợp và chia sẻ trách nhiệm chưa duy trì được đều”*. Ý kiến này phù hợp với kết quả khảo sát, nhất là khi các biểu hiện tôn trọng vai trò GVCN, tin tưởng và đồng thuận với yêu cầu giáo dục có điểm số cao hơn, trong khi các biểu hiện bình tĩnh tiếp nhận thông tin, chia sẻ trách nhiệm giáo dục và ủng hộ định hướng xây dựng nề nếp, kỷ luật lớp học lại đứng ở nhóm thấp hơn.

2.3.2.3. Thực trạng mức độ biểu hiện mức độ hành động trong hành vi hợp tác của cha mẹ với giáo viên chủ nhiệm

Mức độ biểu hiện thống nhất hành động trong hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN đạt mức trung bình ở cả hai nhóm khách thể. ĐTB chung do CHA/MẸ tự đánh giá là 3,06, trong khi GVCN đánh giá là 2,94. Kết quả này phản ánh một thực tế đáng chú ý: sự hợp tác giữa cha mẹ với GVCN ở bình diện hành động đã được thể hiện qua một

số hoạt động cụ thể, nhưng chưa thật sự thường xuyên, chủ động và đồng đều. So với nhận thức và thái độ, hành động thường đòi hỏi mức độ cam kết cao hơn, chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi thời gian, điều kiện gia đình, thói quen phối hợp và khả năng duy trì liên hệ với GVCN. Vì vậy, điểm trung bình của mặt biểu hiện này thấp hơn là điều phù hợp với thực tiễn giáo dục học sinh THPT hiện nay.

Ở từng biểu hiện cụ thể, *“Quan tâm theo dõi các hoạt động tập thể của lớp mà con tham gia”* có ĐTB cao nhất ở cả hai nhóm khách thể, đạt 3,28 ở cha/mẹ và 3,09 ở GVCN, đều xếp thứ 1. Kết quả này cho thấy trong các hành động hợp tác với GVCN, việc theo dõi hoạt động của học sinh là biểu hiện tương đối phổ biến. Đây là dạng hành động không đòi hỏi cha mẹ phải hiện diện trực tiếp thường xuyên ở trường, nhưng vẫn thể hiện sự quan tâm nhất định đến đời sống học đường của con. Trong bối cảnh hiện nay, cha mẹ có thể nắm bắt hoạt động của lớp thông qua nhóm Zalo, số liên lạc điện tử, thông báo của GVCN, hình ảnh hoạt động hoặc trao đổi với con tại gia đình. Điều này phù hợp với đặc điểm của cha/mẹ ở cấp THPT: các em đã lớn, có tính độc lập hơn, nên cha mẹ thường giảm sự tham gia trực tiếp nhưng vẫn duy trì hình thức quan tâm, theo dõi từ xa.

Biểu hiện *“Trao đổi kịp thời với GVCN về tình hình học tập và rèn luyện của học sinh”* xếp thứ 2 ở cả hai nhóm, với ĐTB 3,22 ở CHA/MẸ và 3,04 ở GVCN. Đây là biểu hiện quan trọng của sự thống nhất hành động, bởi trao đổi kịp thời là điều kiện để gia đình và GVCN có căn cứ phối hợp trong giáo dục học sinh. Kết quả này cho thấy nhiều cha/mẹ đã có ý thức liên hệ, phản hồi hoặc trao đổi với GVCN khi cần nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của con. Tuy nhiên, mức điểm chưa cao chứng tỏ hành động trao đổi vẫn chưa đạt đến mức thường xuyên, chủ động ở tất cả các gia đình.

Biểu hiện *“Phối hợp với GVCN trong các hoạt động nhằm xây dựng môi trường học tập tích cực cho học sinh”* có ĐTB 3,10 ở cha/mẹ, xếp thứ 3; trong đánh giá của GVCN đạt 2,96, xếp thứ 4. Biểu hiện *“Sẵn sàng tham gia các hoạt động chung của lớp hoặc của trường khi được mời”* có ĐTB 3,04 ở cha/mẹ, xếp thứ 4; Đáng chú ý, biểu hiện *“Luôn tạo điều kiện để con tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục, rèn luyện do lớp và nhà trường tổ chức”* có sự khác biệt về thứ hạng giữa hai nhóm khách thể. cha/mẹ tự đánh giá ĐTB 2,99, xếp thứ 5, trong khi GVCN đánh giá ĐTB 3,00, xếp thứ 3. Hai biểu hiện có mức điểm thấp là *“Hưởng ứng tích cực các chương trình giáo dục,*

trải nghiệm hoặc hướng nghiệp dành cho học sinh của lớp, trường” và “Thường xuyên đóng góp ý kiến với GVCN hoặc nhà trường về các hoạt động giáo dục của lớp, trường khi cần thiết”. Trong đó, biểu hiện hưởng ứng chương trình giáo dục, trải nghiệm, hướng nghiệp đạt ĐTB 2,94 ở CHA/ME và 2,84 ở GVCN, đều xếp thứ 6. Biểu hiện thấp nhất là “Thường xuyên đóng góp ý kiến với GVCN hoặc nhà trường về các hoạt động giáo dục của lớp, trường khi cần thiết”, với ĐTB 2,85 ở cha/mẹ và 2,76 ở GVCN, đều xếp thứ 7. Sự thống nhất hành động trong hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN đã được biểu hiện qua những hành động khá quen thuộc như quan tâm theo dõi hoạt động của con, trao đổi với GVCN, tham gia khi được mời và tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, mức độ chủ động, chiều sâu và tính thường xuyên của hành động hợp tác vẫn còn hạn chế. Những hành động đòi hỏi sự tham gia tích cực hơn như hưởng ứng chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp, phối hợp xây dựng môi trường học tập tích cực và đóng góp ý kiến với GVCN hoặc nhà trường có điểm số thấp hơn. Điều này cho thấy sự hợp tác giữa cha mẹ với GVCN ở mặt hành động vẫn chủ yếu dừng ở mức theo dõi, phản hồi và hỗ trợ, chưa phát triển mạnh thành sự đồng hành thường xuyên, có trách nhiệm và có tính xây dựng trong hoạt động giáo dục của lớp, trường.

Bà N. T. L., mẹ của một học sinh lớp 10, chia sẻ: “Gia đình vẫn quan tâm đến các hoạt động của con ở lớp, nhất là khi cô chủ nhiệm thông báo trên nhóm hoặc con về nhà kể lại. Những vấn đề liên quan đến học tập, rèn luyện thì gia đình cũng trao đổi với cô khi cần. Tuy nhiên, để tham gia sâu vào các hoạt động của trường hoặc góp ý thường xuyên với giáo viên thì không dễ, vì phụ huynh

còn bận công việc, hơn nữa nhiều khi cũng nghĩ nhà trường có chuyên môn nên mình chỉ nên phối hợp khi được yêu cầu”. Ý kiến này phù hợp với kết quả khảo sát, khi các biểu hiện như quan tâm theo dõi hoạt động tập thể và trao đổi kịp thời với GVCN có điểm số cao hơn, còn biểu hiện đóng góp ý kiến với GVCN hoặc nhà trường, hưởng ứng sâu các chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp lại đứng ở nhóm thấp nhất.

III. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy hành vi hợp tác của cha mẹ với GVCN ở các trường THPT tư thục đã hình thành ở mức độ nhất định, song chưa thật sự ổn định và chưa phát triển đồng đều. Điểm đáng chú ý là cha mẹ nhìn chung đã nhận thức được vai trò của sự phối hợp và có thái độ tương đối tích cực đối với GVCN, nhưng sự chuyển hóa thành hành động hợp tác thường xuyên, chủ động và có chiều sâu vẫn còn hạn chế. Chính vì vậy, nhà trường cần xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng, thường xuyên và phù hợp giữa gia đình với GVCN; đa dạng hóa các hình thức liên lạc, trao đổi thông tin với cha mẹ học sinh; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để cha mẹ tham gia vào các hoạt động giáo dục của lớp và nhà trường. GVCN cần chủ động hơn trong việc thiết lập và duy trì mối quan hệ với cha mẹ học sinh; tăng cường kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống và năng lực tổ chức phối hợp; chú ý trao đổi với cha mẹ không chỉ khi học sinh có vấn đề mà cả trong quá trình theo dõi, hỗ trợ và giáo dục thường xuyên. Cha mẹ học sinh cần nâng cao nhận thức về vai trò của mình trong việc phối hợp với GVCN; chủ động hơn trong trao đổi thông tin, theo dõi tình hình học tập, rèn luyện và tâm lý của con; đồng thời tích cực tham gia vào các hoạt động của lớp và nhà trường trong khả năng của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Trần Thế Anh, Hoàng Thị Kim Huệ (2020), “Phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội trong quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học cơ sở: Nghiên cứu tại Trường THCS - THPT Trương Vĩnh Ký, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng*, tr. 93-104.
- Hà Thanh Bình (2024), “Thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục học tập cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), tr. 13-26.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*, Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Châu (2005), “Dạy học hợp tác”, *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, số 3, tr. 10-13.
- Nguyễn Thanh Dân (2019), “Thực trạng quản lý sự phối hợp giữa gia đình - nhà trường tại các trường trung học phổ thông ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 16(1), tr. 162.
- Vũ Dũng (chủ biên) (2008), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Hòa, Đặng Thị Mây (2022), “Văn hóa học đường nhìn từ mối quan hệ ngoài nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”, *Tạp chí Giáo dục*, 22(4), tr. 11-16.
- Nguyễn Trần Thiên Lam (2025), “Các yếu tố tác động đến xung đột tâm lý giữa học sinh trung học phổ thông và cha mẹ: Một nghiên cứu tại thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Giáo dục*, tr. 47-52.
- Nguyễn Ngọc Tài, Đào Thị Văn Anh (2015), “Giải pháp tác động tích cực đến phụ huynh và các lực lượng giáo dục khác để góp phần nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp thông qua hình thức truyền thông”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, số 8(74), tr. 140-145.